|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG AN**CỤC CẢNH SÁT ĐIỀU TRA TỘI PHẠM VỀ MA TÚY** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 2939/HD-C04 | *Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022* |

**HƯỚNG DẪN**

**Chi tiết công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy,**

**lập hồ sơ cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy**

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 (viết tắt là Luật PCMT);

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020;

Căn cứ Luật Cư trú năm 2020;

Căn cứ Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 ngày 20/01/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân;

Căn cứ Pháp lệnh số 01/2022/UBTNQH15 ngày 24/3/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy (viết tắt là NĐ 105);

Căn cứ Nghị định số 109/2021/NĐ-CP ngày 8/12/2021 của Chính phủ quy định cơ sở y tế đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện ma túy và hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định tình trạng nghiện ma túy (viết tắt là NĐ 109);

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy (viết tắt là NĐ 116);

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (viết tắt là NĐ 118);

Căn cứ Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn (viết tắt là NĐ 120);

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BYT ngày 16/11/2021 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn chẩn đoán và quy trình chuyên môn để xác định tình trạng nghiện ma túy (viết tắt là TT 18);

Căn cứ Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú (viết tắt là TT 56);

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BCA ngày 05/4/2022 của Bộ Công an quy định biểu mẫu và chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống ma túy (TT 13).

Cục Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy (C04) ban hành Hướng dẫnchi tiết, Sơ đồ tổng quát, Sơ đồ chi tiết công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, cai nghiện ma túy như sau:

**PHẦN I**

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUẢN LÝ**

**NGƯỜI SỬ DỤNG TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY**

**1. Thu thập thông tin và lập hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy**

*a) Đối tượng xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể (Điều 22 Luật PCMT)*

- Đối tượng xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể gồm:

(1) Người bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

(2) Người mà cơ quan, người có thẩm quyền có căn cứ cho rằng có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

(3) Người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý;

(4) Người đang trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

(5) Người đang cai nghiện ma túy; đang điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy.

- Căn cứ cho rằng một người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy gồm (Điều 38 NĐ 105):

(1) Tin báo, tố giác của cá nhân, cơ quan, tổ chức đã được cơ quan có thẩm quyền tiến hành xác minh, làm rõ;

(2) Thông tin, tài liệu trong các vụ vi phạm pháp luật;

(3) Người có biểu hiện mất năng lực nhận thức hoặc kiểm soát hành vi nghi do sử dụng ma túy;

(4) Trên người, phương tiện, nơi ở có dấu vết của chất ma túy hoặc dụng cụ, phương tiện sử dụng trái phép chất ma túy;

(5) Người điều khiển phương tiện có biểu hiện sử dụng chất kích thích nghi là ma túy;

(6) Người có mặt tại các địa điểm có hành vi tổ chức, chứa chấp hoặc sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không có lý do chính đáng;

(7) Người tự khai báo hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

(8) Người bị phát hiện quả tang sử dụng trái phép chất ma túy;

(9) Những căn cứ khác theo quy định của pháp luật.

*\*Chú ý: Thẩm quyền xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể*

+ Công an cấp xã: Cán bộ Công an cấp xã thực hiện việc lấy mẫu nước tiểu và dùng que thử nhanh chất ma túy, điền kết quả vào Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể và trình Trưởng Công an cấp xã ký, đóng dấu (Mẫu số 03 NĐ 105).

+ Trường hợp nghi ngờ kết quả không chính xác hoặc có khiếu nại về kết quả thì Công an cấp xã mời cơ quan chuyên môn (cơ sở y tế, cơ sở giám định...) tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể. Công an cấp xã phối hợp với cơ quan chuyên môn tiến hành lấy mẫu và bảo đảm an toàn trong thời gian xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể.

*\*Chú ý: Xử lý vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy*

 Khi phát hiện người sử dụng trái phép chất ma túy, Công an cấp xã nơi phát hiện người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy lập biên bản hành vi vi phạm theo mẫu số MBB01 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (gọi tắt là NĐ 118) và xử lý vi phạm hành chính với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

*b) Xác minh nơi cư trú và gửi thông báo*

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, cơ quan phát hiện phải tiến hành xác minh nơi cư trú của người sử dụng trái phép chất ma túy theo pháp luật về cư trú; kết quả xác minh sử dụng biểu mẫu CT10 Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an thông tư quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú (gọi tắt là TT 56).

Với địa bàn miền núi, hải đảo, xa xôi, hẻo lánh đi lại khó khăn thì thời hạn xác minh được kéo dài không quá 10 ngày làm việc.

- Người được xác định có nơi cư trú ổn định nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

(1) Người có nơi cư trú ổn định là người hiện đang sinh sống tại nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú.

(2) Trường hợp không xác định được nơi đăng ký thường trú, tạm trú thì nơi cư trú ổn định là nơi ở hiện tại theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Cư trú và thời gian thường xuyên sinh sống từ 30 ngày trở lên, có xác nhận của Trưởng Công an cấp xã.

Trường hợp người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy có nơi cư trú ổn định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả xác minh, cơ quan Công an nơi phát hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy thông báo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Mẫu 04 NĐ 105) và gửi các tài liệu liên quan cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người sử dụng trái phép chất ma túy cư trú ổn định (Điều 41 NĐ 105).

- Người được xác định không có nơi cư trú ổn định nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

(1) Người có đăng ký thường trú hoặc tạm trú nhưng không sinh sống tại nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú, có xác nhận của Trưởng Công an cấp xã nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú về việc người đó không sinh sống ở nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú và không biết người đó đang ở đâu.

 (2) Thành viên gia đình theo quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình cung cấp thông tin cho cơ quan chức năng không biết người đó hiện nay đang ở đâu, làm gì và cơ quan Công an tra cứu dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, hệ thống tàng thư hồ sơ cư trú, tàng thư căn cước công dân cũng không xác định được người đó đang ở đâu;

(3) Người không có cả nơi thường trú, tạm trú và thời gian sinh sống ở nơi ở hiện tại dưới 30 ngày.

Trường hợp người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy không có nơi cư trú ổn định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả xác minh, cơ quan Công an nơi phát hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy thông báo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy(Mẫu 04 NĐ 105) và các tài liệu liên quan cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phát hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 41 NĐ 105).

*c) Ra Quyết định và lập hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy*

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo và kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể là dương tính thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra Quyết định Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, đối với người không có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phát hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ra quyết định Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy (Mẫu số 07, NĐ 105) (Điều 42 NĐ 105).

+ Thời hạn quản lý là 01 năm kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định (Điều 43 NĐ 105).

+ Trong Quyết định, thành lập tổ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, gồm:

Cán bộ Công an xã làm Tổ trưởng;

Đại diện thôn/ tổ dân phố làm Tổ phó;

Đại diện gia đình hoặc người có uy tín trong dòng họ (nếu có);

Đại diện tổ chức chính trị - xã hội và nhân viên công tác xã hội (nếu có);

Lựa chọn người có điều kiện gần gũi, có khả năng giáo dục, động viên, thuyết phục trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ tư vấn, động viên, giáo dục, giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy; phát hiện, thông báo và đồng thời phối hợp với lực lượng Công an ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật của họ.

- Trách nhiệm của Công an cấp xã:

+ Thu thập tài liệu xác định hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Biên bản vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Quyết định xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể), tài liệu xác định nơi cư trú để tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra Quyết định quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy (Mẫu số 07 NĐ 105);

+ Điền thông tin người sử dụng trái phép chất ma túy vào mẫu MT1 Thông tư 13/2022/TT-BCA ngày 05/4/2022 quy định biểu mẫu và chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống ma túy (gọi tắt là TT13), cập nhật danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy vào sổ quản lý (theo Mẫu MT4, TT 13).

- Hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 40 NĐ 105), gồm:

(1) Quyết định áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy (Mẫu 07 NĐ 105).

(2) Bản tóm tắt lý lịch người sử dụng trái phép chất ma túy (Mẫu số 05 NĐ 105), kết quả xác minh nơi cư trú (Mẫu CT10, TT 56).

(3) Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể (Mẫu 03 NĐ 105) hoặc Phiếu xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể của cơ quan có thẩm quyền xét nghiệm chuyển đến kèm theo Thông báo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Mẫu 04 NĐ 105).

(4) Tài liệu, biên bản về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; tài liệu về những lần sử dụng trái phép chất ma túy trước đây hoặc cai nghiện (nếu có).

(5) Bản tường trình của người sử dụng trái phép chất ma túy (Mẫu số 06 NĐ 105).

(6) Kết quả xác định tình trạng nghiện là không nghiện (nếu thuộc trường hợp phải xác định tình trạng nghiện).

Ngoài các tài liệu cơ bản trên, trong hồ sơ cần có biên bản ghi lời khai của người sử dụng trái phép chất ma túy, những người có liên quan, thông báo của cơ quan phát hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, các tài liệu khác có liên quan (tài liệu xác minh về cư trú, báo cáo của thành viên tổ quản lý, tin báo, tố giác của quần chúng nhân dân…)

**2. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy**

*a) Các nội dung quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 23 Luật PCMT)*

- Nội dung quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy:

+ Tư vấn, động viên, giáo dục, giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy để họ không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy;

+ Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể;

+ Ngăn chặn người sử dụng trái phép chất ma túy có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội.

- Quản lý về cư trú với người sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 47 NĐ 105):

+ Kiểm tra, cập nhật nơi cư trú của người đang trong thời hạn quản lý.

+ Khi người sử dụng trái phép chất ma túy thay đổi nơi cư trú thì thông báo và chuyển hồ sơ đến nơi cư trú mới để tiếp tục quản lý.

+ Thường xuyên cập nhật nơi cư trú của người sử dụng trái phép chất ma túy vào cơ sở dữ liệu về cư trú, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Lưu ý: Nội dung quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy phải được thể hiện bằng các tài liệu cụ thể và đóng vào hồ sơ quản lý.

*b) Trách nhiệm của Công an cấp xã trong quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy*

- Quản lý về cư trú với người sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 47 NĐ 105)

+ Ít nhất 01 lần mỗi tháng hoặc khi có thông tin liên quan đến việc thay đổi cư trú của người sử dụng trái phép chất ma túy bị quản lý, Công an cấp xã nơi quản lý áp dụng các biện pháp công tác Công an để kiểm tra, xác minh nơi cư trú của người sử dụng trái phép chất ma túy.

Trường hợp người sử dụng trái phép chất ma túy chuyển đi khỏi nơi cư trú thì Công an cấp xã nơi đang quản lý tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chuyển đi thông báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chuyển đến (Mẫu số 08 NĐ 105), kèm theo hồ sơ để tiếp tục quản lý.

Trường hợp người sử dụng trái phép chất ma túy chuyển khỏi nơi cư trú nhưng không khai báo tạm vắng, Công an cấp xã nơi chuyển đi không nắm được thông tin nơi chuyển đến thì áp dụng các biện pháp để tiến hành xác minh để xác định nơi chuyển đến, khi xác định được nơi chuyển đến thì tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chuyển đi thông báo và chuyển hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chuyển đến để tiếp tục quản lý theo quy định.

- Thực hiện các nội dung quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy:

+ Tổ quản lý do Công an cấp xã làm Tổ trưởng thực hiện việc tư vấn, động viên, giáo dục, giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời gian quản lý. Cán bộ Công an cấp xã trao đổi trực tiếp hoặc gián tiếp qua phương tiện liên lạc với người được phân công trực tiếp quản lý để nắm thông tin về người sử dụng trái phép chất ma túy; trường hợp người sử dụng trái phép chất ma túy có nhiều hoạt động nghi vấn (bất minh về thời gian, thường xuyên tụ tập với số người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện trên địa bàn…) đề nghị người được phân công trực tiếp quản lý viết báo cáo, tổ chức họp Tổ quản lý để đề ra biện pháp quản lý phù hợp và chặt chẽ hơn.

+ Khi có căn cứ, thông tin người sử dụng trái phép chất ma túy tiếp tục có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an cấp xã mời người đó đến địa điểm xét nghiệm để thực hiện việc xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể. Trường hợp người đó không hợp tác thì Công an xã gửi giấy triệu tập, nếu người đó có hành vi chống đối thì tùy tình hình thực tiễn, tính chất hành vi, đề xuất xử lý về hành vi chống người thi hành công vụ.

- Xử lý trường hợp trong thời gian quản lý, người bị quản lý tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy:

+ Trong thời hạn quản lý nếu người sử dụng trái phép chất ma túy tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy thì đưa đi xác định tình trạng nghiện (theo Điều 27 Luật Phòng, chống ma túy).

Kết quả xác định là nghiện ma túy thì Công an cấp xã tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ra Quyết định dừng quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy (Mẫu số 09 NĐ 105) và hướng dẫn người nghiện thực hiện các biện pháp cai nghiện theo hướng dẫn tại phần II.

Kết quả xác định là không nghiện thì Công an cấp xã tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ra Quyết định quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, thay thế cho Quyết định trước (Mẫu số 07 NĐ 105). Thời hạn 01 năm tính từ ngày ra Quyết định mới.

+ Trong thời hạn 06 tháng, phát hiện 03 lần sử dụng trái phép chất ma túy và kết quả xác định tình trạng nghiện là không nghiện ma túy, Công an cấp xã lập biên bản vi phạm hành chính theo Mẫu MBB01 NĐ 118 và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định của Nghị định 120/2021/NĐ-CP, ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đồng thời ra Quyết định Dừng quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy (Mẫu số 09 NĐ 105).

**3. Dừng, chấm dứt quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy**

*a) Dừng quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy*

Công an cấp xã tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra Quyết định dừng Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy (Mẫu số 09 NĐ 105) trong các trường hợp sau (Điều 48 NĐ 105):

(1) Người bị quản lý được xác định là nghiện ma túy;

(2) Người bị quản lý bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

(3) Người bị quản lý bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng;

(4) Người bị quản lý phải thi hành án phạt tù;

(5) Người bị quản lý chết, bị Tòa án tuyên bố mất tích;

*b) Chấm dứt quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 48 NĐ 105)*

Công an cấp xã tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra Quyết định chấm dứt quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy (Mẫu 10 NĐ 105) trong trường hợp hết thời hạn quản lý mà không phát hiện người bị quản lý có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

*c) Cập nhật, đưa ra khỏi danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy*

Việc cập nhật danh sách với các trường hợp đưa ra khỏi danh sách theo Khoản 3 Điều 26 Luật Phòng, chống ma túy thực hiện trên Mẫu MT4 TT 13 như sau:

+ Người sử dụng trái phép chất ma túy không có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy trong thời gian quản lý: Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định chấm dứt quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy thì Công an cấp xã điền thông tin vào cột số (18) trong mẫu MT4 TT 13.

+ Người sử dụng trái phép chất ma túy thuộc trường hợp dừng quản lý: Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra Quyết định dừng quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy thì Công an cấp xã điền thông tin vào một trong các cột (11) (19), (20), (21), (22) tương ứng với từng trường hợp vào mẫu MT4 TT 13 .

+ Người sử dụng trái phép chất ma túy chuyển đến cư trú ở địa phương khác: Sau khi thông báo và chuyển hồ sơ cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người sử dụng trái phép chất ma túy chuyển đến, Công an cấp xã điền thông tin vào cột (17) trong mẫu MT4 TT13.

**PHẦN II**

**HƯỚNG DẪN LẬP HỒ SƠ CAI NGHIỆN MA TÚY**

**VÀ QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN MA TÚY**

Một người khi có phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện là nghiện ma túy thì phải đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện, đối với người nghiện các chất dạng thuốc phiện thì được đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế. Nếu không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế hoặc bị chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do vi phạm quy định về điều trị nghiện; trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy; trong thời hạn quản lý sau cai nghiện mà tái nghiện chỉ áp dụng đối với người nghiện từ đủ 18 tuổi trở lên thì bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Để thực hiện nội dung này, cần tiến hành như sau:

**1. Thực hiện xác định tình trạng nghiện**

*a) Đối tượng xác định tình trạng nghiện*

Công an cấp xã đề nghị xác định tình trạng nghiện đối với các trường hợp sau (Điều 27 Luật PCMT):

+ Người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời gian quản lý bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

+ Người sử dụng trái phép chất ma túy không có nơi cư trú ổn định;

+ Người đang trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy hoặc trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy mà bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

+ Người đang trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

*b) Hồ sơ đề nghị xác định tình trạng nghiện (Điều 5 NĐ 109)*

+ Giấy đề nghị xác định tình trạng nghiện (Mẫu 02, NĐ 109);

+ Bản sao phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể;

+ Bản tóm tắt lý lịch (Mẫu 03, NĐ 109);

+ Bản sao Quyết định tạm giữ hành chính (áp dụng với trường hợp bị tạm giữ hành chính)

+ Các tài liệu liên quan khác (Bản tường trình, Biên bản ghi lời khai….)

\* Trong hồ sơ chú ý nội dung Bản tóm tắt lý lịch của người đề nghị xác định tình trạng nghiện cần cung cấp đầy đủ các thông tin ở mục II "TIỀN SỬ SỬ DỤNG MA TÚY VÀ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ ĐÃ BỊ ÁP DỤNG". Công an cấp xã cung cấp thêm các tài liệu như: Biên bản ghi lời khai người bị đề nghị xác định tình trạng nghiện, hoặc của những người có liên quan (bố, mẹ, anh chị em ruột, bạn, hàng xóm, tổ dân phố…), báo cáo của thành viên tổ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, tin báo, tố giác của quần chúng nhân dân về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy…, trong đó làm rõ các nội dung:

+ Loại ma túy sử dụng;

+ Thời điểm lần đầu tiên sử dụng ma túy; hình thức sử dụng;

+ Tần suất sử dụng ma túy theo ngày, tuần, tháng; khối lượng chất ma túy sử dụng trong một lần ở thời điểm mới sử dụng và thời điểm hiện tại;

+ Đã từng nỗ lực từ bỏ sử dụng chất ma túy nhưng chưa thành công;

+ Bản thân nhận thức được tác hại của chất ma túy;

+ Những thói quen, thú vui từ bỏ từ khi sử dụng ma túy.

Đây là những nội dung quan trọng làm căn cứ cho người có thẩm quyền xác định tình trạng nghiện ma túy để xác định người đó có nghiện ma túy hay không nghiện ma túy, không phụ thuộc vào lời trình bày của người bị đề nghị xác định tình trạng nghiện trong trường hợp họ không hợp tác (Lưu ý cán bộ Công an xã cần nghiên cứu kỹ 6 tiêu chuẩn chẩn đoán tình trạng nghiện ma túy quy định tại Điều 3 TT 18 để tiến hành thu thập và cung cấp tài liệu thông tin sát với tiêu chuẩn chẩn đoán. Trong 6 tiêu chuẩn chẩn đoán thì có 5/6 tiêu chuẩn có thể dựa vào tài liệu do cơ quan Công an cung cấp, chỉ có tiêu chuẩn trạng thái cai ma túy do bên y tế trực tiếp thực hiện).

*c) Tạm giữ người theo thủ tục hành chính để xác định tình trạng nghiện*

- Được tạm giữ người theo thủ tục hành chính để xác định tình trạng nghiện; thời gian tạm giữ không quá 05 ngày; nơi tạm giữ là khu lưu giữ tạm thời tại cơ sở cai nghiện bắt buộc của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc nhà tạm giữ, buồng tạm giữ hành chính (Điều 122 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012, sửa đổi, bổ sung 2020).

Tạm giữ hành chính để xác định tình trạng nghiện thực hiện đối với các đối tượng không hợp tác, côn đồ, hung hãn và cơ quan Công an xét thấy cần thiết phải tạm giữ hành chính để thực hiện xác định tình trạng nghiện. Địa điểm xác định tình trạng nghiện là nơi tạm giữ hành chính.

Đối với người được đề nghị xác định tình trạng nghiện hợp tác, chấp hành thì không cần phải tạm giữ hành chính, địa điểm xác định tình trạng nghiện do cơ quan công an thống nhất với cơ sở y tế lựa chọn (Điểm b Khoản 2 Điều 2 Nghị định 109; tùy vào thực tiễn ở địa phương, có thể ở trụ sở công an xã, trạm y tế xã, hoặc một địa điểm phù hợp khác); công an có trách nhiệm quản lý và đảm bảo an toàn cho quá trình xác định tình trạng nghiện.

\*Trường hợp người tự nguyện xác định tình trạng nghiện thì cơ quan Công an hướng dẫn người đó đến cơ sở y tế đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện để thực hiện xác định tình trạng nghiện.

**2. Hướng dẫn lập hồ sơ đăng ký và thực hiện cai nghiện tự nguyện, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế**

*a) Đăng ký cai nghiện tự nguyện, điều trị nghiện bằng thuốc thay thế (Điều 28 NĐ 116)*

Sau khi có kết quả xác định tình trạng nghiện là nghiện ma túy (gồm cả trường hợp tự nguyện xác định tình trạng nghiện), Cơ quan Công an hướng dẫn người nghiện ma túy trong thời hạn 05 ngày cần thực hiện đăng ký một trong các hình thức:

+ Cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

+ Cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện.

+ Người nghiện ma túy các chất dạng thuốc phiện được đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

+ Người không có nơi cư trú ổn định thì đăng ký cai nghiện tự nguyện tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phát hiện và thực hiện việc cai nghiện tại cơ sở cai nghiện công lập (Khoản 1, Điều 28, NĐ 116).

Để đảm bảo chặt chẽ hồ sơ, cán bộ Công an xã nên lập biên bản làm việc với người nghiện về nội dung này, trong đó giải thích rõ người nghiện phải đăng ký cai nghiện tự nguyện hoặc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, nếu người nghiện không đăng ký sẽ bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Hồ sơ đăng ký cai nghiện tự nguyện (Điều 28 NĐ 116):

+ 01 bản đăng ký cai nghiện tự nguyện (Mẫu số 22, phụ lục II, NĐ 116);

+ 01 bản sao Phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy;

+ 01 bản phôtô một trong các loại giấy tờ tùy thân: căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân, hộ chiếu, giấy khai sinh (đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi) của người nghiện ma túy.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đăng ký cai nghiện tự nguyện, đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, Công an cấp xã thẩm định hồ sơ đăng ký cai nghiện và tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra Quyết định cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo Mẫu số 24 NĐ 116. Thời gian cai nghiện tự nguyện từ đủ 6 đến 12 tháng.

- Trường hợp người nghiện đăng ký cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện và người nghiện không có nơi cư trú ổn định thì Công an cấp xã hướng dẫn họ nộp hồ sơ và ký kết hợp đồng tại cơ sở cai nghiện. Lưu ý đối với trường hợp người không nơi cư ổn định thì Công an xã không nhất thiết phải chờ đủ 05 ngày mà khi có kết quả xác định tình trạng nghiện là nghiện ma túy thì lập biên bản làm việc, hỗ trợ đưa người nghiện đến cơ sở cai nghiện ma túy công lập để đăng ký thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện.

- Việc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế phải tuân thủ quy định điều trị nghiện của Chính phủ và các quy định chuyên môn của ngành y tế.

*b) Trách nhiệm của Công an cấp xã trong đăng ký cai nghiện tự nguyện*

+ Theo dõi, nắm thông tin về việc đăng ký cai nghiện tự nguyện, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế của người nghiện ma túy, bổ sung thông tin theo Mẫu MT2, TT 13 và cập nhật danh sách người nghiện, người bị quản lý sau cai nghiện tại địa phương vào sổ theo dõi, quản lý (theo Mẫu MT5, TT 13).

+ Rà soát, xác minh việc thay đổi nơi cư trú của người cai nghiện ma túy tự nguyện để tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển hồ sơ, tiếp tục thực hiện biện pháp cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng. Trường hợp người nghiện tự ý đi khỏi địa phương, không khai báo thì Công an cấp xã thu thập tài liệu xác định người nghiện thuộc trường hợp không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt để tiến hành lập hồ sơ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đồng thời tiến hành xác minh làm rõ nơi chuyển đến của người nghiện.

+ Theo dõi, quản lý người nghiện trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, nếu phát hiện người nghiện thuộc trường hợp đưa vào cơ sở cai nghiện tiến hành lập hồ sơ đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

**3. Hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc**

*a) Hồ sơ đề nghị*

Khi phát hiện người nghiện thuộc trường hợp bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Điều 32, Điều 33 Luật PCMT, Công an cấp xã tiến hành lập Biên bản vi phạm (Mẫu số 27 NĐ 116), ghi rõ hành vi vi phạm không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế hoặc bị chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do vi phạm quy định về điều trị nghiện; trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy; trong thời hạn quản lý sau cai nghiện mà tái nghiện; tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Thành phần hồ sơ:

+ 01 văn bản đề nghị (Mẫu số 29, phụ lục II, NĐ 116)[[1]](#footnote-1);

+ 01 bản tóm tắt lý lịch (Mẫu 30, phụ lục II, NĐ 116);

+ 01 Biên bản vi phạm (Mẫu 27, phụ lục II, NĐ 116);

+ 01 Bản sao Phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện;

+ 01 Bản tường trình của người nghiện (Mẫu 31, phục lục II, NĐ 116), đối với người nghiện từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu không có bản tường trình của họ thì dùng Bản tường trình của người đại diện hợp pháp.

+ Đối với người không có nơi cư trú ổn định có thêm văn bản xác định của Công an xã xác định không có nơi cư trú ổn đinh, sử dụng kết quả xác minh nơi cư trú (Mẫu CT10 Thông tư 56/2021/TT-BCA).

+ Trường hợp người nghiện từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi phải có ý kiến của cha, mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy (Mẫu số 38, phụ lục II, NĐ 116).

\*Trường hợp người nghiện từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi không có nơi cư trú ổn định, không có người giám hộ đương nhiên thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nghiện cư trú (nơi cư trú xác định theo Điều 19 của Luật Cư trú năm 2020) cử người giám hộ theo quy định tại Điều 54 Bộ luật Dân sự 2015.

Điều kiện trở thành người giám hộ với cá nhân:

+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

+ Có tư cách đạo đức tốt và các điều kiện cần thiết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của người giám hộ.

+ Không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc người bị kết án nhưng chưa được xoá án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người khác.

+ Không phải là người bị Tòa án tuyên bố hạn chế quyền đối với con chưa thành niên.

Điều kiện trở thành người giám hộ với pháp nhân:

+ Có năng lực pháp luật dân sự phù hợp với việc giám hộ.

+ Có điều kiện cần thiết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của người giám hộ.

\*Ngoài các thành phần hồ sơ cơ bản như trên, Công an cấp xã có thể bổ sung các tài liệu có liên quan như: Biên bản ghi lời khai của người nghiện, người có liên quan, tài liệu chứng minh về những lần cai nghiện trước đó...

*b) Quản lý người nghiện trong thời gian lập hồ sơ*

- Cơ quan lập hồ sơ đề nghị gia đình người nghiện có nơi cư trú ổn định quản lý người nghiện trong thời gian lập hồ sơ có xác nhận bằng văn bản (Mẫu số 35, phụ lục II, NĐ 116).

- Trường hợp gia đình không đồng ý thì ghi rõ vào văn bản không đồng ý quản lý người nghiện trong thời gian lập hồ sơ (Mẫu số 35, phụ lục II, NĐ 116).

- Cơ quan lập hồ sơ Quyết định giao người nghiện có nơi cư trú ổn định nhưng gia đình không đồng ý quản lý; người nghiện không có nơi cư trú ổn định cho trung tâm, cơ sở tiếp nhận đối tượng xã hội hoặc cơ sở cai nghiện bắt buộc của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý người nghiện trong thời gian lập hồ sơ (Mẫu số 36, phụ lục II, NĐ 116)

\* Quá trình giao cho gia đình quản lý người nghiện trong thời gian lập hồ sơ đề nghị, công an cấp xã thường xuyên theo dõi, phối hợp với gia đình kịp thời ngăn chặn người nghiện bỏ trốn. Trường hợp người nghiện bỏ trốn thì cơ quan lập hồ sơ phối hợp với gia đình tổ chức truy tìm, khi tìm được thì chuyển sang quản lý tại trung tâm, cơ sở tiếp nhận đối tượng xã hội hoặc cơ sở cai nghiện bắt buộc của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

*c) Thông báo về việc lập hồ sơ và đọc hồ sơ*

Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản (Mẫu số 32, phụ lục II, NĐ 116) kèm theo 01 bản sao bộ hồ sơ cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc người đại diện hợp pháp của họ đọc và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

*d) Chuyển hồ sơ cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Tòa án nhân dân cấp huyện*

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ, cơ quan lập hồ sơ gửi hồ sơ cho Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị của cơ quan lập hồ sơ, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, xem xét và quyết định chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chuyển lại cơ quan lập hồ sơ để bổ sung hồ sơ. Thời hạn bổ sung hồ sơ là 02 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan lập hồ sơ nhận lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

*đ) Thi hành quyết định đưa người nghiện vào cơ sở cai nghiện bắt buộc*

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân cấp huyện, Công an cấp huyện phối hợp Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện đưa người nghiện vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Trường hợp xét thấy cần thiết thì khi có Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân cấp huyện, Công an xã ra Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính (Điểm c Khoản 1 Điều 122 Luật Xử lý vi phạm hành chính đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020) để thi hành.

- Trường hợp người nghiện bỏ trốn sau khi có Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Công an cấp huyện nơi lập hồ sơ ra Quyết định truy tìm đối tượng (Mẫu số 41 NĐ 116).

Sau khi tìm được người nghiện, Công an cấp huyện ra Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính (quy định tại điểm c khoản 1 Điều 122 Luật XLVPHC) và tổ chức áp giải người nghiện vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 124 Luật XLVPHC).

- Việc bàn giao người nghiện cho cơ sở cai nghiện bắt buộc được lập biên bản (Mẫu số 40, phụ lục II, NĐ 116).

**4. Hướng dẫn lập hồ sơ và quản lý sau cai nghiện ma túy**

- Công an cấp xã theo dõi việc thực hiện cai nghiện của người nghiện để xác định được thời điểm hoàn thành cai nghiện của người nghiện:

+ Thời điểm hoàn thành cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng tính theo Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (Điều 32 NĐ 116).

+ Thời điểm hoàn thành cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện tính theo Giấy xác nhận của Giám đốc cơ sở cai nghiện ma túy (Điều 38 NĐ 116).

+ Thời gian thực hiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế thực hiện theo phác đồ điều trị của cơ sở điều trị nghiện.

+ Thời điểm hoàn thành cai nghiện bắt buộc tính theo Giấy chứng nhận (Mẫu số 46 NĐ 116) của Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc (Điều 62 NĐ 116).

- Trước ngày người nghiện hoàn thành cai nghiện, điều trị nghiện, Công an cấp xã cần chuẩn bị tài liệu, hồ sơ để tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra Quyết định quản lý sau cai nghiện, gồm:

+ Văn bản đề nghị của Trưởng Công an cấp xã gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp (Mẫu số 50, phụ lục II, NĐ 116)

+ Bản lý lịch tóm tắt của người bị đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai (Mẫu số 30, phụ lục II, NĐ 116), kèm theo một trong các loại giấy tờ sau: Giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện; giấy xác nhận hoàn thành điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; giấy xác nhận đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Trưởng cơ quan Công an cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú theo Mẫu số 51, NĐ 116 (Điều 78 NĐ 116).

Muộn nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày người nghiện ma túy trình báo việc hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện, hoàn thành điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, chấp hành xong biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản lý sau cai nghiện phải ra Quyết định quản lý sau cai nghiện, lập hồ sơ và đưa vào danh sách quản lý sau cai nghiện.

- Thời hạn quản lý sau cai (Điều 40 Luật PCMT):

+ Người đã hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện, người đã hoàn thành điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chịu sự quản lý sau cai nghiện ma túy trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành việc cai nghiện hoặc chấp hành xong quyết định.

+ Người đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chịu sự quản lý sau cai nghiện ma túy trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định.

\*Trong thời gian quản lý sau cai, khi có thông tin về người bị quản lý sau cai nghiện ma túy sử dụng trái phép chất ma túy, Công an cấp xã tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể và đưa đi xác định tình trạng nghiện (Điều 22, Điều 27 Luật PCMT).

Với người nghiện từ 18 tuổi trở lên có kết quả xác định là nghiện ma túy thì lập hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Với người nghiện từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi có kết quả xác định là nghiện ma túy thì hướng dẫn họ đăng ký cai nghiện tự nguyện, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

- Nội dung quản lý sau cai nghiện gồm:

+ Quản lý cư trú đối với người sau cai nghiện ma túy: Người bị quản lý sau cai nghiện ma túy khi vắng mặt tại nơi cư trú phải báo cáo với Công an cấp xã, nói rõ lý do vắng mặt, thời gian vắng mặt. Trường hợp không báo cáo thì thời gian vắng mặt không được tính vào thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy.

Khi người bị quản lý sau cai nghiện ma túy thay đổi nơi cư trú thì công an cấp xã nơi chuyển đi có trách nhiệm thông báo cho công an cấp xã nơi chuyển đến trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người đó chuyển khỏi địa phương để đưa vào danh sách và phối hợp quản lý theo Mẫu số 53 Phụ lục II NĐ 116.

+ Tư vấn, giúp đỡ, phòng, chống tái nghiện ma túy:

Người bị quản lý sau cai nghiện ma túy được giúp đỡ, phòng, chống tái nghiện ma túy trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy;

Người bị quản lý sau cai nghiện ma túy được tư vấn, trợ giúp về tâm lý, các thủ tục pháp lý; hướng dẫn làm thủ tục đăng ký cư trú, cấp căn cước công dân, cấp phiếu lý lịch tư pháp; hướng dẫn chấp hành pháp luật, nghĩa vụ công dân; hỗ trợ kinh phí, cho vay vốn, tổ chức học tập, dạy nghề, tìm kiếm, giới thiệu việc làm; tạo các điều kiện cần thiết khác giúp người sau cai nghiện ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng, phòng, chống tái nghiện.

- Khi hết thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú theo Mẫu số 54 Phụ lục II NĐ 116 và đưa người bị quản lý ra khỏi danh sách quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú.

- Trách nhiệm của Công an cấp xã:

+ Phối hợp với các ban ngành, đoàn thể trên địa bàn để thực hiện nội dung tư vấn, giúp đỡ, phòng, chống tái nghiện ma túy.

+ Quản lý về cư trú với người bị quản lý sau cai nghiện.

+ Định kỳ (do Công an xã chủ động xác định phù hợp với tình hình đặc điểm của địa bàn) hoặc đột xuất tổ chức xét nghiệm chất ma túy, xác định tình trạng nghiện đối với người sau cai nghiện ma túy theo quy định của pháp luật (Điều 22, Điều 27 Luật Phòng, chống ma túy).

+ Thống kê, cập nhật danh sách người nghiện, quản lý sau cai nghiện tại địa phương vào sổ theo dõi, quản lý người nghiện, người quản lý sau cai nghiện (Mẫu MT5 TT 13).

Việc cập nhật danh sách với trường hợp đưa ra khỏi danh sách người nghiện ma túy, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy theo Khoản 3 Điều 43 Luật Phòng, chống ma túy thực hiện trên Mẫu MT5 TT 13 như sau:

Người nghiện được cấp giấy chứng nhận hoàn thành quyết định quản lý sau cai nghiện thì Công an cấp xã bổ sung thông tin vào cột (21) của Mẫu MT5 TT 13.

Người nghiện, người bị quản lý sau cai nghiện phải thi hành án phạt tù thì bổ sung thông tin vào cột (22).

Người nghiện, người bị quản lý sau cai nghiện chuyển đến cư trú địa phương khác thì bổ sung thông tin vào cột (20).

**PHẦN III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Công an các cấp (tỉnh, huyện, xã) có trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện nghiêm túc Hướng dẫn này.

**2.** Giao PV01, PC04, Trưởng Công an cấp huyện tham mưu đồng chí Giám đốc Công an cấp tỉnh chỉ đạo, tổ chức, triển khai, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện tại địa phương.

**3.** Giao Phòng 2/C04 theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp, đánh giá việc thực hiện Hướng dẫn này.

**4.** Hướng dẫn này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương báo cáo về C04 (qua Phòng 2) để tập hợp, nghiên cứu, chỉnh sửa, bổ sung chỉ đạo, hướng dẫn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - TK4 (để báo cáo đ/c Thứ trưởng);- V01, V03, C06 (để biết và phối hợp);- Đ/c Cục trưởng (để báo cáo);- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để tổ chức thực hiện);- Công an các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; Công an các xã, phường, thị trấn trong toàn quốc (để thực hiện);- Lưu: VT, P2. | **KT. CỤC TRƯỞNG****PHÓ CỤC TRƯỞNG****Thiếu tướng Đinh Văn Chuyền** |

1. Trong trường hợp do Công an cấp xã tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ thì do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký. [↑](#footnote-ref-1)